

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2017 /HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2017

V/v tranh chấp “ ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY - TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông **Bùi Thanh Giảng**.

Hội thẩm nhân dân :

1/ Ông **Trần Văn Tám**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Thúy Vân**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Quách Minh Trí** – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Ngày 29/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 293/2017/TLST- HNGĐ ngày 29/8/ 2017 về việc “ ly hôn ” theo quyết định xét xử số 88/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 59/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22/9/2017 giữa các đương sự :

Nguyên đơn : Anh Trần Thanh H, sinh 1978 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: 357/2/24 khu phố 13 đường A, Phường B, Quận C, TP Hồ Chí Minh.
Bị đơn : Chị Bành Trọng U, sinh 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: 69/2 Hồ Hải Nghĩa, phường A, thị xã B, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn anh Trần Thanh H trình bày:

Anh và chị Bành Trọng U tự nguyện chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2012, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống với nhau đến nay thì hai người thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống. Anh cảm thấy tình cảm không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị U.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ngày 15/9/2017 anh H có đơn xin từ chối hòa giải và xin giải quyết vụ án vắng mặt. Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* *Bị đơn* : Chị Bành Trọng U, từ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có triệu tập họp lệ để làm bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia hòa giải nhưng chị đều vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án không thu thập

được chứng cứ, không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được và phiên tòa xét xử đến lần 2 chị U vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ đơn yêu cầu của anh Trần Thanh H thì anh và chị Bành Trọng U chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012 mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, anh H khởi kiện chị U về việc ly hôn thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Tòa án đã triệu tập họp lệ đối với chị U từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử lần hai nhưng chị U vẫn vắng mặt không rõ lý do, anh H xó đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị U, anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy đã là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Chị U và anh H từ khi chung sống với nhau đến nay thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống. Anh cảm thấy tình cảm không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị U. Đối với chị U, sau khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã triệu tập họp lệ để làm bản khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia hòa giải, xét xử nhưng chị vẫn vắng mặt không rõ lý do, chị không đến chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng là có thật, chị cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và không tôn trọng pháp luật. Từ những phân tích trên, có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa chị U và anh H là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Song việc anh H và chị U chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đến thời điểm hiện tại anh chị cũng không muốn tiếp tục chung sống với nhau. Do đó, anh H và chị U không được pháp luật công nhận là vợ chồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, tuyên bố anh H và chị U không phải là vợ chồng.

Về con chung: Không có nên không xét.

Về tài sản chung: Không có nên không xét.

Về nợ chung: Không có nên không xét.

Về án phí: Nguyên đơn là anh Trần Thanh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, các Điều 53, 58 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh H.

Tuyên bố anh Trần Thanh H và chị Bành Trọng U không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Không có
- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.
- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Thanh H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng). Anh H đã nộp 300.000 đồng(Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí (chị Trần Lệ N nộp thay) theo biên lai số 0001010 ngày 29/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy xem như đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Chị U, anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ .

Nơi nhận :

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX CL;
- Chi cục THADS TX CL;
- UBND phường 1, TXCL;
- Các đương sự;
- Lưu .

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thanh Giảng